BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2011/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011*

THÔNG TƯ

Quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao được đầu tư tại Việt Nam; thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (sau đây gọi là Giấy chứng nhận).

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc thực hiện hoạt

động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam.

Điều 2. Tiêu chí xác định dự án ứng dụng công nghệ cao

1. Dự án được xác định là dự án ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:

a) Công nghệ được sử dụng trong dự án ứng dụng công nghệ cao phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án ứng dụng công nghệ cao phải thuộc một trong các trường hợp sau:

- Sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm góp phần hiện đại hóa hoặc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới tại Việt Nam;

- Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao nhằm hoàn thiện công nghệ;

- Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, có sử dụng nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu.

c) Số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của dự án;

d) Tổng chi bình quân cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam hàng năm phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu của dự án. Nội dung chi hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm:

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của dự án; chi cho đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nghiên cứu;

- Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu;

- Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu;

- Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

đ) Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008, CMM hoặc GMP (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế);

e) Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến

khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

2. Đối với dự án ứng dụng công nghệ cao đã hoặc đang triển khai, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Đối với dự án ứng dụng công nghệ cao chưa triển khai, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Điều 3. Tiêu chí xác định dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao

1. Dự án được xác định là dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:

a) Sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Sản phẩm được tạo ra từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao là sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu;

c) Dây chuyền công nghệ của dự án phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm;

d) Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008, CMM hoặc GMP (tùy theo đặc thù dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế);

đ) Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

2. Đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã hoặc đang triển khai, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao chưa triển khai, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Điều 4. Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Giám đốc Văn phòng Chứng nhận hoạt động công nghệ cao và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Văn phòng Chứng nhận) có quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

a) Thành phần Tổ chuyên gia thẩm định hồ sơ có từ 5 đến 7 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Văn phòng Chứng nhận, Thư ký Tổ chuyên gia thẩm định là cán bộ Văn phòng Chứng nhận, đại diện một số đơn vị liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực cần thẩm định;

b) Họp thẩm định hồ sơ

- Thư ký Tổ chuyên gia thẩm định cung cấp tài liệu có liên quan cho Tổ chuyên gia thẩm định trước khi họp thẩm định hồ sơ ít nhất 05 ngày làm việc;

- Phiên họp của Tổ chuyên gia thẩm định được tiến hành trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập và phải có mặt ít nhất hai phần ba số thành viên Tổ thẩm định. Tổ chuyên gia thẩm định hoạt động theo nguyên tắc tập thể, bỏ phiếu kín về việc đồng ý hay không đồng ý cấp Giấy chứng nhận và kết quả theo đa số khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt đồng ý.

c) Trên cơ sở kết luận của Tổ chuyên gia thẩm định, Văn phòng Chứng nhận hoàn thiện hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

2. Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận có tính phức tạp và quy mô lớn, Giám đốc Văn phòng Chứng nhận đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận (sau đây gọi là Hội đồng) trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Văn phòng Chứng nhận;

b) Hội đồng gồm từ 9 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng. Hội đồng có 02 ủy viên phản biện là các thành viên Hội đồng am hiểu sâu lĩnh vực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Thành phần của Hội đồng gồm: 1/2 là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu lĩnh vực công nghệ cao được giao tư vấn và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động gần đây trong lĩnh vực công nghệ cao được giao tư vấn; 1/2 là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, Bộ, ngành, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp. Các cá nhân có liên quan đến tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận không được tham gia Hội đồng;

c) Hội đồng hoạt động theo các quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Giám đốc Văn phòng Chứng nhận trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định;

d) Văn phòng Chứng nhận chủ trì tổ chức phiên họp thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá một cách trung thực, khách quan, công bằng theo các quy định của Thông tư này và các văn bản liên quan. Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

đ) Trên cơ sở kết luận của Hội đồng, Văn phòng Chứng nhận hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận được đăng tải trên Website của Văn phòng Chứng nhận.

Điều 5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc trên cơ sở các tài liệu do Văn phòng Chứng nhận cung cấp, được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày trước phiên họp Hội đồng.

2. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp và có đủ 02 ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của các thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Văn phòng Chứng nhận) mời các chuyên gia ở ngoài Hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận làm chuyên gia phản biện để đánh giá hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

Điều 6. Trình tự làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng phân công 01 ủy viên làm thư ký Hội đồng để ghi chép ý kiến của các thành viên, biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng và các văn bản khác có liên quan.

2. Các ủy viên phản biện trình bày ý kiến, nhận xét về từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; đánh giá cụ thể mặt mạnh, mặt yếu theo các yêu cầu đã quy định.

3. Hội đồng thảo luận, góp ý về từng tiêu chí, điều kiện đánh giá liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Trong trường hợp mời các chuyên gia phản biện ở ngoài Hội đồng, sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia phản biện không tiếp tục dự phiên họp của Hội đồng.

4. Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 thành viên Hội đồng, trong đó có một Trưởng ban) và tiến hành bỏ phiếu (theo phương thức bỏ phiếu kín) về việc đồng ý hay không đồng ý cấp Giấy chứng nhận.

5. Trên cơ sở kết quả làm việc của Ban kiểm phiếu, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tại phiên họp bỏ phiếu "đồng ý cấp Giấy chứng nhận" và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng. Hội đồng lập biên bản về kết quả làm việc Hội đồng gửi Văn phòng Chứng nhận.

6. Khi kết thúc quá trình thẩm định, Văn phòng Chứng nhận tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc cấp Giấy chứng nhận.

Điều 7. Kinh phí phục vụ công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Nguồn kinh phí thẩm định hồ sơ được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp hàng năm cho Văn phòng Chứng nhận.

2. Nội dung chi, mức chi được áp dụng theo quy định tại Phần II Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và trên cơ sở phù hợp với mức dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm được giao.

3. Hàng năm căn cứ vào dự toán được giao, Văn phòng Chứng nhận thực hiện chi theo đúng các quy định tại Thông tư này và các quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 8. Các mẫu của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao dành cho tổ chức, cá nhân (Biểu B1-TCHĐUD, CNHĐUD); đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (Biểu B1-DNTLM), đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp công nghệ cao (Biểu B1-DNCNC).

2. Mẫu thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (Biểu B2-TMDAUD); thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (Biểu B2-TMDNTLM); thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 18, Luật Công nghệ cao (Biểu B2-TMDNCNC).

3. Mẫu đơn đề nghị xác nhận thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (Biểu B3- XNDAUD).

4. Mẫu Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao dành cho tổ chức, cá nhân (Biểu B4-HĐUD); Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (Biểu B4-DNTLM); Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao (Biểu B4-DNCNC).

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận theo định kỳ 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả hoạt động về Văn phòng Chứng nhận.

2. Văn phòng Chứng nhận là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định; kiểm tra và giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh

Biểu B1-TCHĐUD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn này dành cho tổ chức)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đề nghị:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa điểm thực hiện dự án:.....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

2. Thực hiện dự án đầu tư... theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Bộ hồ sơ sau :

- Bản sao có công chứng của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

- Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao.

- Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc của Sở Khoa học và Công nghệ theo mẫu quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao.

Đại diện tổ chức đề nghị
(Ký tên - đóng dấu)

Biểu B1-CNHĐUD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
(mẫu đơn này dành cho cá nhân)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin chung

Họ và tên cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Địa điểm thực hiện dự án:.....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

2. Thực hiện dự án đầu tư.... theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Bộ hồ sơ sau:

- Bản sao có công chứng Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng), kèm theo 02 ảnh cỡ 4 x 6 cm.

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tư cách pháp lý (nếu có);

- Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao.

- Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc của Sở Khoa học và Công nghệ theo mẫu quy định.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao.

Cá nhân đề nghị
(Ký tên)

Biểu B1-DNTLM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp đề nghị:.....

Trụ sở doanh nghiệp:.....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

2. Đại diện doanh nghiệp

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Số Chứng minh nhân dân/hoặc Hộ chiếu còn giá trị: số:... ngày cấp.... nơi cấp

Hộ khẩu thường trú:.....

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Bộ hồ sơ sau:

- Bản sao có công chứng của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Đại diện doanh nghiệp đề nghị
(Ký tên - đóng dấu)

Biểu B1-DNCNC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp đề nghị:.....

Trụ sở doanh nghiệp:.....

Địa chỉ doanh nghiệp:.....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

2. Đại diện doanh nghiệp

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Số chứng minh nhân dân/hoặc Hộ chiếu còn giá trị: số..... ngày cấp..... nơi cấp

Hộ khẩu thường trú: .....

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Bộ hồ sơ sau:

- Bản sao có công chứng của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 18, Luật Công nghệ cao.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

Đại diện doanh nghiệp đề nghị
(Ký tên - đóng dấu)

Biểu B2-TMDAUD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

THUYẾT MINH DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	**Tên Dự án:**
2	**Cấp quản lý (nếu có):**
3	**Thời gian, địa điểm hoạt động của dự án:**
4	**Kinh phí:**
Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng (hoặc USD) Các giai đoạn đầu tư: • Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD) • Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD) • … Xuất xứ nguồn vốn: • Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng • Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD) • Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD) Hình thức đầu tư	
5	**Tổ chức chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao (nếu có)**
Tên tổ chức: Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:	
6	**Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao**
Họ và tên: Học hàm/học vị: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:	

7	**Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao**		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
8	**Xuất xứ dự án ứng dụng công nghệ cao** (nguồn hình thành, mục tiêu chung của dự án):		
9	**Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và làm chủ công nghệ của dự án ở trong và ngoài nước** (thể hiện rõ quan điểm của tổ chức, cá nhân chủ trì dự án về tính cấp thiết của dự án ứng dụng công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		
9.1. Ngoài nước: **9.2. Trong nước:**			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	**Mục tiêu của dự án ứng dụng công nghệ cao**		
10.1. Mục tiêu kinh tế - xã hội (dự án ứng dụng công nghệ cao giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương,...) **10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ** (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	**Nội dung dự án ứng dụng công nghệ cao**		
11.1. Giải trình công nghệ của dự án ứng dụng công nghệ cao: • Nêu tóm tắt công nghệ của dự án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. • Giải trình rõ công nghệ của dự án là thế hệ công nghệ mới và phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. • Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ (phân tích, so sánh ưu nhược điểm của từng phương án và trên cơ sở xem xét tính hoàn thiện của công nghệ); mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ. • Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước. • Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,...			

11.2. Giải trình dự án đáp ứng một trong các trường hợp sau:

- Sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm góp phần hiện đại hóa hoặc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới ở Việt Nam;
- Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao nhằm hoàn thiện công nghệ;
- Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, có sử dụng nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu.

11.3. Giải trình về lực lượng lao động tham gia dự án: số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển bảo đảm thực hiện được các hoạt động của dự án *(kèm theo các văn bằng, chứng chỉ)*.

11.4. Giải trình về hoạt động triển khai thực hiện nghiên cứu và phát triển của dự án: Tổng chi bình quân cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam hàng năm phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu của dự án. Nội dung chi hoạt động nghiên cứu - phát triển, với các nội dung chi hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm:

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của dự án; chi cho đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nghiên cứu.
- Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu.
- Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu.
- Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

11.5. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án: theo các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

11.6. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của dự án: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện dự án.

11.7. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án;

xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).

- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của dự án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ của ngành, góp phần đổi mới công nghệ của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- ...

12	**Tiến độ thực hiện**			
STT	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung dự án)
1				

III. Kết quả của dự án ứng dụng công nghệ cao

13	**Dạng kết quả dự kiến của dự án**

Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các kết quả khác.

14	**Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với kết quả dự án**					
STT	Kết quả dự án và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						

16	**Hiệu quả của dự án**

- Hiệu quả về khoa học và công nghệ
- Hiệu quả về kinh tế
- Hiệu quả về xã hội

....., ngày.... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng Tổ chức chủ trì dự án (nếu có)	**Đại diện tổ chức/cá nhân chủ trì dự án**
(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)	(Ký tên, họ và tên)

Biểu B2-TMDNTLM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

THUYẾT MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	**Tên dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:**
2	**Tên doanh nghiệp thành lập mới:**
3	**Thời gian, địa điểm hoạt động của dự án:**
4	**Kinh phí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:**
Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng (hoặc USD) Các giai đoạn đầu tư: • Giai đoạn 1 triệu đồng (hoặc USD) • Giai đoạn 2 triệu đồng (hoặc USD) • … Xuất xứ nguồn vốn : • Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng • Từ vốn tự có của doanh nghiệp: triệu đồng (hoặc USD) • Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD) Hình thức đầu tư:	
5	**Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao**
Tên viết tắt (nếu có): Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có): Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:	
6	**Đại diện doanh nghiệp**
Họ và tên: Chứng minh nhân dân/ Số hộ chiếu còn giá trị: Hộ khẩu thường trú: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ:	

7	**Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao**		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú
1			
8	**Xuất xứ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao** (nguồn hình thành, mục tiêu chung của dự án):		
9	**Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm của dự án ở trong và ngoài nước** (thể hiện rõ quan điểm của doanh nghiệp về tính cấp thiết của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		
9.1. Ngoài nước: 9.2. Trong nước:			
II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu			
10	**Mục tiêu của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao**		
10.1. Mục tiêu kinh tế - xã hội (dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, ...) **10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ** (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ sản xuất sản phẩm gì? Sản phẩm tạo ra của dự án đạt trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)			
11	**Nội dung dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao**		
11.1. Giải trình công nghệ của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao: • Nêu tóm tắt công nghệ của dự án, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ. • Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ. • Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước. • Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có), trong đó yêu cầu thông tin về giá trị hợp đồng, bản quyền, thời hạn,... **11.2. Giải trình các đặc điểm của sản phẩm tạo ra của dự án:** • Giải trình rõ sản phẩm tạo ra phải thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.			

- Giải trình về chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường, và khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của sản phẩm.
- Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

11.3. Giải trình dây chuyền công nghệ của dự án: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ dự án (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

11.5. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án: theo các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

11.6. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của dự án: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm thực hiện dự án.

11.7. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của dự án đối với kinh tế - xã hội (tạo ra năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của ngành, góp phần đổi mới công nghệ sản xuất của địa phương, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- ...

12	**Tiến độ thực hiện**			
STT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú (Ghi rõ nội dung dự án)
1				
III. Sản phẩm của dự án				
13	**Dạng kết quả dự kiến của dự án**			
Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các sản phẩm khác.				

14	**Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra**					
STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
15	**Hiệu quả của dự án**					
• Hiệu quả về khoa học và công nghệ • Hiệu quả về kinh tế • Hiệu quả về xã hội						

....., ngày... tháng.... năm 20....

Đại diện doanh nghiệp

(Ký tên, họ và tên)

Biểu B2-TMDNCNC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

THUYẾT MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 18 CỦA LUẬT CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	**Tên doanh nghiệp:**
2	**Các sản phẩm chính:**
3	**Trụ sở đăng ký, điện thoại, fax:**
4	**Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận kinh doanh, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:**
5	**Hình thức đầu tư:**
Bên Việt Nam (tên công ty) Bên nước ngoài (tên công ty)	
6	**Thông tin doanh nghiệp**
6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay • Địa chỉ: • Diện tích sử dụng: **6.2. Thời hạn được phép hoạt động của doanh nghiệp** **6.3. Thời điểm chính thức sản xuất** **6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của doanh nghiệp** **6.5. Tổng vốn đầu tư** ..... VN đồng ……... USD, trong đó: • Vốn cố định:…… VN đồng/ ……. USD, bao gồm + Nhà xưởng……..m^2, trị giá…….VN đồng/USD + Văn phòng……m^2, trị giá……VN đồng/USD + Trang thiết bị công nghệ…….trị giá……. VN đồng/USD + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định…….. VN đồng/USD • Vốn cố định khác…….. VN đồng/USD • Vốn pháp định…….. VN đồng/ USD	

+ Bên Việt Nam……%, là……. USD
Gồm: - Tiền, tương đương…… USD
- Tài sản khác, tương đương…… USD
+ Bên nước ngoài……..%, là…….. USD
Gồm: - Tiền, tương đương…….. USD
- Tài sản khác…….. USD

7	**Các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm công nghệ cao**		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú
1			
8	**Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm của các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước** (thể hiện rõ quan điểm của doanh nghiệp về vai trò quan trọng sản phẩm tạo ra đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)		

8.1. Ngoài nước:
8.2. Trong nước:

II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu

9	**Mục tiêu, định hướng và kế hoạch phát triển sản phẩm của doanh nghiệp**

9.1. Phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, ...)

9.2. Phù hợp với tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ sản xuất sản phẩm gì? Sản phẩm tạo ra đạt trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...)

10	**Nội dung thuyết minh doanh nghiệp công nghệ cao**

10.1. Giải trình công nghệ sản xuất sản phẩm:

- Nêu tóm tắt công nghệ sản xuất sản phẩm, quy trình công nghệ, đặc điểm nổi bật của công nghệ.
- Yếu tố trực tiếp về công nghệ: sự hoàn thiện của công nghệ; mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ; tính mới của công nghệ; tính thích hợp của công nghệ; phương án lựa chọn công nghệ.
- Yếu tố gián tiếp của công nghệ: nguồn cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đối với dây chuyền công nghệ dự án; hiệu quả của công nghệ đối với sự phát triển của địa phương ngành sản xuất; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.
- Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có).

10.2. Giải trình các đặc điểm của sản phẩm tạo ra:

- Giải trình rõ sản phẩm tạo ra phải thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.
- Giải trình về chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường, khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của sản phẩm và góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.
- Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

10.3. Giải trình về hoạt động triển khai thực hiện nghiên cứu và triển khai của dự án: Giải trình về tổng chi bình quân cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trong 3 năm liền và từ năm thứ 4 trở đi phải đạt được chỉ tiêu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Công nghệ cao, với các nội dung chi hoạt động nghiên cứu - phát triển bao gồm:

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của dự án; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu.
- Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu.
- Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

10.4. Giải trình về doanh thu bình quân của doanh nghiệp: trong 3 năm liền và từ năm thứ 4 trở đi phải đạt được chỉ tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Luật Công nghệ cao.

10.5. Giải trình về lực lượng lao động tham gia dự án: số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu - phát triển bảo đảm thực hiện được các hoạt động của dự án.

10.6. Giải trình dây chuyền công nghệ: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

10.7. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm: theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quốc tế.

10.8. Giải trình việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tiết kiệm năng lượng: các yếu tố ảnh hưởng của công nghệ đối với môi trường (đặc biệt là nguy cơ tiềm ẩn sự cố môi trường); các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; những thuận lợi và khó khăn trong việc bảo vệ môi trường đối với địa điểm sản xuất; giải trình về phương án tiết kiệm năng lượng trong sản xuất sản phẩm..

10.9. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- ...

III. Sản phẩm công nghệ cao

11	**Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra**					
STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
12	**Đóng góp của doanh nghiệp công nghệ cao**					

- Đối với khoa học và công nghệ
- Đối với kinh tế - xã hội

....., ngày.... tháng.... năm 20....

Đại diện doanh nghiệp

(Ký tên, họ và tên)

Biểu B3-XNDAUD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN THUYẾT MINH DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi:.....

1. Tên dự án ứng dụng công nghệ cao

. . . . . .

. . . . . .

2. Tổ chức và cá nhân thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao

- Tên tổ chức/cá nhân thực hiện dự án . . . . . .

. . . . . .

- Địa điểm thực hiện dự án . . . . . .

. . . . . .

Cơ quan chủ quản/Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận những thông tin trên là đúng với Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao theo mẫu quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

....., ngày.... tháng..... năm 20...
Thủ trưởng cơ quan
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Biểu B4-DNTLM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Số chứng nhận:……../DNTLM

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên doanh nghiệp:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số …….. ngày cấp……. nơi cấp…….....……..

Địa chỉ thực hiện dự án:

Là doanh nghiệp thành mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao*"tên dự án"* và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Văn phòng Chứng nhận, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số đăng ký:..... */ĐK-VPCN; quyển số:.....; ngày..... tháng..... năm.....*

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày cấp và có giá trị đến khi kết thúc dự án.

Hà Nội, ngày.... tháng... năm 20…

BỘ TRƯỞNG

Mặt sau Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TỪ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.

4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.

Biểu B4-DNCNC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Số chứng nhận:……../DNCNC

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

- Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;

- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên doanh nghiệp:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ: số……. ngày cấp…… nơi cấp .....

Địa chỉ trụ sở doanh nghiệp:

Là doanh nghiệp công nghệ cao và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Văn phòng Chứng nhận, Bộ Khoa học và Công nghệ

Số đăng ký:*...../ĐK-VPCN; quyển số:.....; ngày..... tháng..... năm.....*

Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20....

BỘ TRƯỞNG

Mặt sau Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.

4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.

Biểu B4-HĐUD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
Số chứng nhận:……../HĐUD

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

- Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;

- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ.

CHỨNG NHẬN

Tên dự án:

Tên tổ chức/cá nhân thực hiện dự án:

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN (đối với tổ chức); Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân) số…….. ngày cấp…… nơi cấp……..……

Địa chỉ thực hiện dự án:

Là dự án ứng dụng công nghệ cao "tên dự án" và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tại Văn phòng Chứng nhận, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số đăng ký:..... */ĐK-VPCN; quyển số:..... ; ngày..... tháng..... năm.....*

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày cấp và có giá trị đến khi kết thúc dự án.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20…

BỘ TRƯỞNG

Mặt sau Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.

4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.